

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13 /2022/DS-ST**
Ngày: 15-6-2022
V/v tranh chấp nghĩa vụ thanh toán
hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Hòa.

2. Ông Trương Diên Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022, về việc “tranh chấp nghĩa vụ thanh toán hợp đồng mua bán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Liên doanh hữu hạn Thức ăn thủy sản V; địa chỉ trụ sở: Lô 6B KCN Đ, phường Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông JZM, chức vụ: Tổng giám đốc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Ngọc H, ông Võ Minh N; địa chỉ: Số 16 Mạc Đ, phường P, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà (Giấy ủy quyền ngày 10-3-2022); bà H có mặt, ông N vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Mai Xuân L, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 15-6-2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14-7-2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 30-12-2013, ông Mai Xuân L có ký kết hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản số BTB-Th/002/HĐ-2014 về việc mua thức ăn chăn nuôi thủy sản của Công ty Liên doanh hữu hạn Thức ăn thủy sản V (sau đây viết tắt là Công ty V). Theo hợp đồng, ông L có nghĩa vụ thanh toán 100% tiền hàng trước khi nhận hàng; giá trị hàng hóa tính theo từng lần giao hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty V đồng ý cho ông L nhận hàng trước khi thanh toán. Đến tháng 12-2014, hai bên đối chiếu công nợ và ông L xác nhận còn nợ Công ty V số tiền nợ gốc 578.400.000 đồng (Năm trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Sau đó, Công ty V nhiều lần liên hệ nhưng ông L không thanh toán số tiền nợ.

Do đó, Công ty V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L trả số tiền nợ gốc là 578.400.000 đồng (Năm trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng); tiền lãi chậm trả trên nợ gốc trong thời hạn 07 năm 04 tháng 13 ngày (Từ ngày 01-01-2015 đến ngày 13-5-2022), mức lãi 10%/năm là 586.912.302 đồng, tổng cộng 1.165.312.302 đồng (Một tỷ một trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm mười hai nghìn ba trăm linh hai đồng) và lãi suất phát sinh tiếp theo cho đến khi thanh toán hết nợ.

Khi khởi kiện, nguyên đơn nộp đơn tại Tòa án nhân dân thành phố H theo địa chỉ ghi trên hợp đồng nhưng do ông L thay đổi địa chỉ nên Tòa án nhân dân thành phố H chuyển đơn đến Tòa án nhân dân huyện Phong Điền và nguyên đơn đồng ý Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý giải quyết vụ án.

Bị đơn là ông Mai Xuân L không có yêu cầu phản tố. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 04-5-2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông L trình bày:

Ông thừa nhận vào năm 2013 có ký hợp đồng với Công ty V về việc mua thức ăn phục vụ nuôi thủy sản. Thời điểm ký hợp đồng, ông không có đăng ký kinh doanh. Ông thừa nhận còn nợ Công ty V số tiền nợ gốc 578.400.000 đồng (Năm trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Ông chưa trả số tiền nợ do từ năm 2016, sự cố Formosa gây ảnh hưởng nên việc nuôi tôm gặp khó khăn; các tài sản là ao nuôi, nhà đất thế chấp để vay vốn phục vụ làm ăn đều bàn giao cho ngân hàng xử lý thu hồi nợ nên không trả được số tiền nợ của Công ty V.

Ông chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng hiện tại ông không còn tài sản, không có thu nhập nên khi có điều kiện sẽ trả nợ. Ông thừa nhận khoản nợ gốc có phát sinh tiền lãi nhưng đề nghị xem xét tạo điều kiện giảm số tiền lãi để sớm có khả năng trả nợ.

Hiện nay, ông đang ở tại xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; đồng ý Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý vụ án để giải quyết.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày số tiền lãi trước đây có sai sót khi tính toán, thay đổi số tiền lãi tính đến thời điểm xét xử là 429.664.440 đồng (Bốn trăm hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi đồng).

Tại phiên tòa, bị đơn có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí với lý do là người cao tuổi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Đương sự và người đại diện hợp pháp của đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, 35, 39 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 428, 429, 438, 424 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 357, 468, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để ra bản án xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Mai Xuân L phải trả cho Công ty Liên doanh hữu hạn Thức ăn Thủy sản V số tiền nợ gốc là 578.400.000 đồng, tiền lãi phát sinh là 429.664.440 đồng, tổng cộng 1.008.064.440 đồng (Một tỷ không trăm linh tám triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi đồng); buộc ông L chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán. Bị đơn là cá nhân không có đăng ký kinh doanh. Theo hợp đồng và biên bản đối chiếu công nợ thì tại thời điểm giao dịch, địa chỉ của bị đơn tại phường A, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế nhưng bị đơn đã thay đổi địa chỉ và hiện có địa chỉ cư trú tại xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đồng ý việc Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý vụ án để giải quyết. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về luật áp dụng: Hợp đồng mua bán giữa các bên phát sinh trước thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực; hiện tại, hai bên chưa thanh lý hợp đồng; nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về hợp đồng mua bán hàng hóa: Hợp đồng mua bán ngày 30-12-2013 được lập thành văn bản, người ký có đủ thẩm quyền, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, phù hợp quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 24 của Luật Thương mại năm 2005 nên có hiệu lực.

[4] Về số tiền nợ gốc: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc là 578.400.000 đồng phát sinh theo hợp đồng mua bán đã ký và hai bên đã đối chiếu công nợ xác nhận. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn đều thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 578.400.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92

của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn không phải chứng minh, Hội đồng xét xử kết luận bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 578.400.000 đồng (Năm trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

[5] Về tiền lãi: Tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “1 *Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.*

2. *Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.*

Tại hợp đồng mua bán, hai bên không có thỏa thuận về mức lãi suất chậm trả nên áp dụng mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm. Thời hạn chậm trả tính từ ngày 01-01-2015 đến thời điểm xét xử (Ngày 15-6-2022) là 578.400.000 đồng x 10%/năm x 07 năm 05 tháng 15 ngày = 429.664.440 đồng (Bốn trăm hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi đồng).

[6] Về nghĩa vụ trả tiền: Theo quy định tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 1 Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005 thì bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng. Bị đơn thừa nhận số tiền nợ nên có nghĩa vụ thanh toán. Hai bên không có thỏa thuận gì khác về thời hạn, phương thức thanh toán. Bị đơn cho rằng do ảnh hưởng của “sự cố Formosa” nên việc làm ăn gặp khó khăn dẫn đến không trả được nợ nhưng khoản nợ trên phát sinh trước khi xảy ra “sự cố Formosa” năm 2016, hai bên không có thỏa thuận về trường hợp miễn trừ trách nhiệm.

Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 578.400.000 đồng và tiền lãi 429.664.440 đồng, tổng cộng là 1.008.064.440 đồng (Một tỷ không trăm linh tám triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi đồng).

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn có đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí với lý do là người cao tuổi. Theo giấy chứng minh nhân dân thì bị đơn Mai Xuân L sinh năm 1961 là đã trên 60 tuổi. Do đó, căn cứ vào Điều 2 của Luật Người cao tuổi năm 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn nộp tiền án phí cho bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 357, 430; khoản 1 Điều 440; khoản 2 Điều 468 và điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 24, 50 của Luật Thương mại năm 2005;

Áp dụng Điều 2 của Luật Người cao tuổi năm 2009;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Liên doanh hữu hạn Thức ăn thủy sản V.

Buộc ông Mai Xuân L phải thanh toán cho Công ty Liên doanh hữu hạn Thức ăn thủy sản V số tiền phát sinh theo Hợp đồng mua bán ngày 30-12-2013 nợ gốc là 578.400.000 đồng (Năm trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng) và tiền lãi chậm thanh toán là 429.664.440 đồng (Bốn trăm hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi đồng), tổng cộng là 1.008.064.440 đồng (Một tỷ không trăm linh tám triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày có yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi người phải thi hành án thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Hoàn trả lại cho Công ty Liên doanh hữu hạn Thức ăn thủy sản V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.081.000 đồng (Hai mươi ba triệu không trăm tám mươi một nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/0001923 ngày 04-4-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Mai Xuân L.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số

điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- CCTHADS huyện Phong Điền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Trường